

THÔNG BÁO
tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026

Căn cứ Công văn số 816-CV/HVCTQG ngày 17/4/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc phối hợp tuyển sinh đào tạo thạc sĩ năm 2026, Học viện Chính trị khu vực IV thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026, như sau:

1. Chỉ tiêu, ngành tuyển sinh, yêu cầu chuyên môn phù hợp

1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 210 chỉ tiêu

1.2. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể

Học viện Chính trị khu vực IV làm đầu mối và phối hợp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức tuyển sinh và thực hiện đào tạo thạc sĩ các ngành sau:

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	60
2	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	30
3	Quản lý kinh tế	8310110	30
4	Quản lý văn hóa	8229042	30
5	Quản lý nhà nước	7310205	30
6	Kinh tế chính trị	8310102	30

1.3. Yêu cầu chuyên môn phù hợp

Theo Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQG ngày 05/5/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 6368-QĐ/HVCTQG ngày 08/10/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về điều chỉnh, bổ sung Danh mục ngành và Chương trình học bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ theo Phụ lục 1.



2. Hình thức, ngôn ngữ, thời gian và địa điểm đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo: Tiếng Việt.
- Thời gian đào tạo:
 - + Chính quy tập trung: 18 tháng (học thứ Hai đến thứ Sáu)
 - + Chính quy không tập trung: 24 tháng (học thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật).
- Địa điểm đào tạo: Học viện Chính trị khu vực IV (Số 06, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ).

3. Phương thức tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.1. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức xét tuyển hồ sơ: áp dụng đối với người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Phụ lục 2.
- Phương thức xét tuyển hồ sơ và thi tiếng Anh: áp dụng đối với người dự tuyển chưa đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Phụ lục 2. Kỳ thi tiếng Anh do Học viện tổ chức.

3.2. Đối tượng dự tuyển

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công dân nước ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện dự tuyển theo quy định tại Thông báo này¹.

3.3. Điều kiện dự tuyển

a. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển². Người dự tuyển tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện trước thời điểm tổ chức xét tuyển để tích lũy kiến thức tương đương với người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành đúng³.

- Trường hợp văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài, người dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹ Công dân nước ngoài chỉ áp dụng đối với công dân nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (theo diện Hiệp định).

² Theo quy định tại Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQG ngày 05/5/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 6368-QĐ/HVCTQG ngày 08/10/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.

³ Thời gian dự kiến học bổ sung kiến thức: đợt 1: tháng 6/2026 và đợt 2: tháng 10/2026.

- Văn bằng phải xếp hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có ít nhất 01 công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đã công bố trong các ấn phẩm được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm mà ngành đăng ký dự tuyển trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm nộp hồ sơ⁴.

b. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài (người dự tuyển phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Hành chính và Quản trị công (Học viện Hành chính Quốc gia trước ngày 01/01/2025) cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (xem tại Phụ lục 2), hoặc chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận⁵.

+ Người dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký học các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

c. Các điều kiện khác

- Đối với người dự tuyển có bằng đại học thuộc ngành phù hợp nhóm 2 với ngành đăng ký dự tuyển: phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến ngành dự tuyển.

⁴ Xem tại Quyết định số 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2025.

⁵ Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BGDĐT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.



- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Cam kết về tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

3.4. Đối tượng ưu tiên và chính sách ưu tiên

a. Đối tượng ưu tiên

- Người dự tuyển có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ*) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành và phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
- Con liệt sĩ.
- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động.
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận.

b. Chính sách ưu tiên

- Người dự tuyển thuộc đối tượng hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (*bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên*) được cộng 0,5 điểm vào tổng điểm đánh giá hồ sơ.

- Người dự tuyển được hưởng chính sách ưu tiên nếu có đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ tại thời điểm nộp hồ sơ và được hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét, công nhận đủ điều kiện hưởng chính sách ưu tiên tại thời điểm xét hồ sơ.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đơn đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (*mẫu số 01: 01 bản chính và 06 bản sao*).

- Công văn cử đi dự tuyển trình độ thạc sĩ của cơ quan có thẩm quyền (*nếu người dự tuyển đang công tác*); (*01 bản chính*).

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (*nếu người dự tuyển đang công tác*) hoặc của chính quyền địa phương (*nếu người dự tuyển là thí sinh tự do*); (*mẫu số 02: 01 bản chính và 06 bản sao*).

- Bằng đại học, bằng điểm đại học (*kèm bản dịch nếu có*); văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (*kèm bản dịch nếu có*); bằng trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ bổ sung kiến thức (*nếu có*); văn bản công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*nếu có*); (*mỗi loại 01 bản sao chứng thực và 06 bản sao*).

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (*01 bản chính*).

- Một trong các giấy tờ: Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng lao động, Quyết định bổ nhiệm, Quyết định nâng lương gần nhất (*nếu người dự tuyển đang công tác*); (*01 bản sao chứng thực và 06 bản sao*).

- Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*); (*mỗi loại 01 bản sao chứng thực và 06 bản sao*).

- Giấy xác nhận kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến ngành dự tuyển từ đủ 12 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (*nếu người dự tuyển có bằng đại học thuộc ngành phù hợp nhóm 2 với ngành đăng ký dự tuyển*); (*mẫu số 03: 01 bản chính và 06 bản sao*).

- Phiếu đăng ký dự thi đánh giá năng lực đầu vào tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*nếu có*); (*mẫu số 04: 01 bản chính*).

- Ảnh 3x4 chụp trong thời gian 06 tháng (*02 ảnh*).

- Bản cam kết về tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ (*mẫu số 05: 01 bản chính và 06 bản sao*).

- Phiếu xác nhận nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (*mẫu số 06: 01 bản chính*).

5. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

5.1. Thời gian nhận hồ sơ:

- Đợt 1: đến hết ngày 29/5/2026.

- Đợt 2: đến hết ngày 30/9/2026.

Hồ sơ gửi theo đường bưu điện: tính theo dấu bưu điện.

5.2. Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng 112, Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Học viện Chính trị khu vực IV, địa chỉ: Số 06, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

Thông tin xin liên hệ: Đồng chí Nguyễn Văn Trai, Chuyên viên Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Học viện Chính trị khu vực IV, điện thoại: 0917.362.271.

6. Dự kiến thời gian tuyển sinh, công bố kết quả tuyển sinh và nhập học

6.1. Thời gian tuyển sinh:

- Đợt 1: trước ngày 15/8/2026.
- Đợt 2: trước ngày 15/11/2026.

6.2. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh:

- Đợt 1: trước ngày 30/8/2026.
- Đợt 2: trước ngày 30/11/2026.

6.3. Thời gian nhập học:

- Đợt 1: trước ngày 30/9/2026.
- Đợt 2: trước ngày 30/12/2026.

Mọi thông tin về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 được đăng tải công khai theo quy định tại Cổng thông tin điện tử Học viện Chính trị khu vực IV: www.hcma4.hcma.vn. *HL*

Nơi nhận:

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
- Ban Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy/Thành ủy,
- Sở Nội vụ các tỉnh/thành phố,
- Trường Chính trị các tỉnh/thành phố,
- Trường Cao đẳng, Đại học,
- Các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang,
- Các đơn vị thuộc khối tư pháp,
- Báo và Đài PT-TH tỉnh/thành phố,
- Cổng thông tin điện tử,
- Lưu: VT, QLĐTBD. *Q*

GIÁM ĐỐC



Ngô Xuân Nghĩa

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC
ĐỂ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ¹

I. NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ, MÃ SỐ 8310102

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310102	Kinh tế chính trị	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310101	Kinh tế	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (02 tín chỉ). 2. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (02 tín chỉ).
2	7310104	Kinh tế đầu tư	
3	7310105	Kinh tế phát triển	
4	7310106	Kinh tế quốc tế	
5	7310107	Thống kê kinh tế	
6	7310108	Toán kinh tế	
7	7310109	Kinh tế số	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7140205	Giáo dục chính trị	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (02 tín chỉ). 2. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (02 tín chỉ). 3. Kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản từ góc độ cạnh tranh (02 tín chỉ).
2	7310201	Chính trị học	
3	7310205	Quản lý nhà nước	
4	7310101	Cử nhân kinh tế	
5	7380107	Luật Kinh tế	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	
10	7340115	Marketing	
11	7340116	Bất động sản	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	
13	7340121	Kinh doanh thương mại	
14	7340122	Thương mại điện tử	
15	7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	

¹ Trên cơ sở Quyết định số 2737-QĐ/HVCTQG ngày 05/5/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

II. NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC, MÃ SỐ 8310202

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310201	Chính trị học	1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (03 tín chỉ). 2. Lý luận chung về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước (03 tín chỉ).
2	7310205	Quản lý nhà nước	
3	7310206	Quan hệ quốc tế	
4	7310201	Chính trị học: Cử nhân chính trị (chuyên ngành: Công tác tổ chức, Công tác dân vận, Công tác kiểm tra, Xây dựng Đảng và chính quyền)	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7229001	Triết học	1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (03 tín chỉ). 2. Lý luận chung về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước (03 tín chỉ). 3. Xây dựng Đảng và chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ (02 tín chỉ).
2	7229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	7229009	Tôn giáo học	
4	7229010	Lịch sử	
5	7140208	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	
6	7140205	Giáo dục chính trị	
7	7140248	Giáo dục pháp luật	
8	7140114	Quản lý giáo dục	
9	7310301	Xã hội học	
10	7310102	Nhân học	
11	7310630	Việt Nam học	
12	7340403	Quản lý công	
13	7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
14	7760101	Công tác xã hội	
15	7229042	Quản lý văn hóa	
16	7229040	Văn hóa học	
17	7340401	Khoa học quản lý	
18	7340403	Quản lý công	
19	7140114	Quản lý giáo dục	
20	7340404	Quản trị nhân lực	
21	7340406	Quản trị văn phòng	
22	7340408	Quan hệ lao động	
23	7340409	Quản lý dự án	
24	7320101	Báo chí	
25	7320104	Truyền thông đa phương tiện	
26	7320105	Truyền thông đại chúng	
27	7320106	Công nghệ truyền thông	
28	7320107	Truyền thông quốc tế	
29	7320108	Quan hệ công chúng	
30	7380101	Luật	
31	7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	
32	7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
33	7380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
34	7380107	Luật kinh tế	
35	7380108	Luật quốc tế	

III. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT, MÃ SỐ 8380106

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7380101	Luật	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	1. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (02 tín chỉ).

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
2	7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	2. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (02 tín chỉ).
3	7380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
4	7380107	Luật kinh tế	
5	7380108	Luật quốc tế	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7380110	Luật kinh doanh	1. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (02 tín chỉ). 2. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (02 tín chỉ). 3. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (02 tín chỉ). 4. Các học thuyết về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ).
2	7380109	Luật thương mại quốc tế	
3	7140248	Giáo dục pháp luật	
4	7310205	Quản lý nhà nước	
5	7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
6	7860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	

IV. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ, MÃ SỐ 8310110

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310110	Quản lý kinh tế	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310101	Kinh tế	1. Khoa học quản lý (02 tín chỉ). 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (02 tín chỉ).
2	7310102	Kinh tế chính trị	
3	7310104	Kinh tế đầu tư	
4	7310106	Kinh tế quốc tế	
5	7310107	Thống kê kinh tế	
6	7310108	Toán kinh tế	
7	7310109	Kinh tế số	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7340101	Quản trị kinh doanh	1. Khoa học quản lý (02 tín chỉ). 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (02 tín chỉ). 3. Kinh tế lượng (02 tín chỉ).
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	
3	7340115	Marketing	
4	7340116	Bất động sản	
5	7340122	Thương mại điện tử	
6	7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	
7	7810201	Quản trị khách sạn	
8	7310205	Quản lý nhà nước	
9	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
10	7340121	Kinh doanh thương mại	
11	7340301	Kế toán	
12	7340302	Kiểm toán	
13	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
14	7340204	Bảo hiểm	
15	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
16	7510601	Quản lý công nghiệp	
17	7510604	Kinh tế công nghiệp	
18	7580103	Quản lý đất đai	
19	7620115	Kinh tế nông nghiệp	
20	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	
21	7580301	Kinh tế xây dựng	
22	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
23	7840104	Kinh tế vận tải	
24	7850101	Quản lý tài nguyên môi trường	
25	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
26	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
27	7340401	Khoa học quản lý	
28	7340403	Quản lý công	
29	7140114	Quản lý giáo dục	
30	7340404	Quản trị nhân lực	

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
31	7340406	Quản trị văn phòng	
32	7340408	Quan hệ lao động	
33	7340409	Quản lý dự án	

V. NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA, MÃ SỐ 8229042

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7229042	Quản lý văn hóa	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7229001	Triết học	1. Lý luận văn hóa Mác - Lênin (02 tín chỉ). 2. Quản lý văn hóa (02 tín chỉ).
2	7229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	7229009	Tôn giáo học	
4	7229010	Lịch sử	
5	7229020	Ngôn ngữ học	
6	7229030	Văn học	
7	7229040	Văn hóa học	
8	7229045	Gia đình học	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7810101	Du lịch	1. Lý luận văn hóa Mác - Lênin (02 tín chỉ). 2. Quản lý Văn hóa (02 tín chỉ). 3. Giao lưu văn hóa (02 tín chỉ).
2	7320101	Báo chí	
3	7760101	Công tác xã hội	
4	7310201	Chính trị học	
5	7310401	Tâm lý học	
6	7310301	Xã hội học	
7	7310302	Nhân học	
8	7340403	Quản lý công	
9	7310205	Quản lý nhà nước	
10	7320205	Quản lý thông tin	
11	7340406	Quản trị văn phòng	

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
12	7340404	Quản trị nhân lực	
13	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
14	7340409	Quản lý dự án	
15	7340401	Khoa học quản lý	
16	7140114	Quản lý giáo dục	
17	7310630	Việt Nam học	
18	7140205	Giáo dục chính trị	
19	7220101	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	
20	7220104	Hán Nôm	
21	7220105	Ngôn ngữ Jrai	

VI. NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, NGÀNH THÍ ĐIỂM

1. Ngành đúng

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310205	Quản lý nhà nước	Không phải học bổ sung kiến thức

2. Ngành phù hợp nhóm 1

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7310201	Chính trị học	1. Lý luận về quản lý nhà nước (02 tín chỉ). 2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I). (02 tín chỉ).
2	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
3	7310206	Quan hệ quốc tế	

3. Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Mã số	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức
1	7140114	Quản lý giáo dục	1. Lý luận về quản lý nhà nước (02 tín chỉ). 2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I và Phần II).
2	7229042	Quản lý văn hóa	
3	7340101	Quản trị kinh doanh	
4	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	
5	7580103	Quản lý đất đai	

6	7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	(02 tín chỉ). 3. Khoa học quản lý (02 tín chỉ).
7	7340401	Khoa học quản lý	
8	7310403	Quản lý công	
9	7310404	Quản trị nhân lực	
10	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
11	7340406	Quản trị văn phòng	
12	7340408	Quan hệ lao động	
13	7340408	Quản lý dự án	

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DANH MỤC NGÀNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH
BỔ SUNG KIẾN THỨC ĐỂ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ²**

I. NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ, MÃ SỐ 8310102

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (02 tín chỉ) 2. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (02 tín chỉ)	

II. NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC, MÃ SỐ 8310202

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý xã hội	1. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng (03 tín chỉ)	
2	Hành chính học Quản lý nhà nước)	2. Lý luận chung về nhà nước và xây dựng chính quyền nhà nước (03 tín chỉ) 3. Xây dựng Đảng và chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ (02 tín chỉ)	

III. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT, MÃ SỐ 8380106

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (02 tín chỉ). 2. Lý luận về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (02 tín chỉ). 3. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (02 tín chỉ). 4. Các học thuyết về nhà nước và pháp luật (02 tín chỉ).	

IV. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ, MÃ SỐ 8310110

² Trên cơ sở Quyết định số 6368-QĐ/HVCTQG ngày 08/10/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngành phù hợp nhóm 2

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Khoa học quản lý (02 tín chỉ) 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (02 tín chỉ). 3. Kinh tế lượng (02 tín chỉ)	

V. NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA, MÃ SỐ 8229042**Ngành phù hợp nhóm 2**

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lý luận văn hóa Mác - Lênin (02 tín chỉ). 2. Văn hóa dân gian (02 tín chỉ). 3. Giao lưu văn hóa (02 tín chỉ).	

VI. NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, NGÀNH THÍ ĐIỂM**Ngành phù hợp nhóm 2**

TT	Tên ngành	Học phần học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Hành chính học (Quản lý nhà nước)	1. Lý luận về quản lý nhà nước (02 tín chỉ). 2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (Phần I và Phần II) (02 tín chỉ). 3. Khoa học quản lý (02 tín chỉ).	
2	Các ngành thuộc nhóm ngành “Luật”		

PHỤ LỤC DÀNH CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
PHỤ LỤC 2

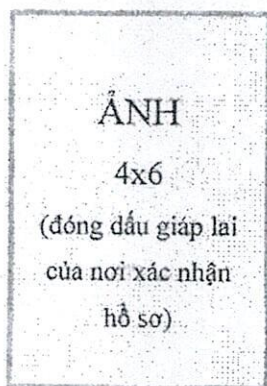
1. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*(Kèm theo Thông tư số 23 /2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm Tương đương bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399; Đọc: 275-384 Nói: 120-159; Viết: 120-149
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	43-58
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2
		Apis ESOL International Certificate (Aptis ESOL)	B1 Aptis International Certificate
		Versant English Placement Test (VEPT)	43-66
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-I

**2. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
ĐƯỢC GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH CÔNG NHẬN**

Stt	Tên cơ sở đào tạo	Stt	Tên cơ sở đào tạo
1	Đại học Ngoại ngữ -Đại học quốc gia Hà Nội	20	Học viện Khoa học quân sự
2	Đại học Ngoại ngữ-Đại học Đà Nẵng	21	Đại học Thương mại
3	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	22	Học viện Cảnh sát nhân dân
4	Đại học Sư phạm Hà Nội	23	Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
5	Đại học Hà Nội	24	Đại học Bách khoa Hà Nội
6	Đại học Thái Nguyên	25	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia TP HCM
7	Đại học Cần Thơ	26	Trường Đại học Nam Cần Thơ
8	Học viện An ninh nhân dân	27	Trường Đại học Ngoại thương
9	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	29	Trường Đại học Kinh tế TP HCM
11	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	30	Trường Đại học Lạc Hồng
12	Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	31	Trường Đại học Đồng Tháp
13	Đại học Sài Gòn	32	Trường Đại học Duy Tân
14	Đại học Văn Lang	33	Trường Đại học Phenikaa
15	Đại học Trà Vinh	34	Học viện Ngân hàng
16	Đại học Vinh	35	Trường Đại học Kinh tế Tài chính - Marketing
17	Đại học Tây Nguyên	36	Trường Đại học Thành Đông
18	Đại học Quy Nhơn	37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
19	Đại học Công thương TP HCM (HUIT)	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. THÔNG TIN BẢN THÂN

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): Nara/ Nữ
2. Họ tên thường dùng:
3. Sinh ngày.....tháng.....năm; 4. Nơi sinh:
5. Quê quán:.....
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
7. Chỗ ở hiện nay:
8. Điện thoại liên hệ:.....Email:.....
9. Dân tộc; Tôn giáo; 10. Thành phần gia đình:
11. Số CCCD/CC/Hộ chiếu:; cấp ngày/...../.....; nơi cấp.....
12. Trình độ chuyên môn
- 12.1. Đại học
- * Đại học thứ nhất:
- Ngành:.....; Chuyên ngành:.....; Năm tốt nghiệp:
- Hạng tốt nghiệp:; Cơ sở đào tạo:.....
- * Đại học thứ hai:
- Ngành:.....; Chuyên ngành:.....; Năm tốt nghiệp:
- Hạng tốt nghiệp:; Cơ sở đào tạo:
- 12.2. Thạc sĩ:

Ngành:.....; Chuyên ngành:.....; Năm được công nhận học vị:

Hạng tốt nghiệp:.....;

Cơ sở đào tạo:.....

13. Ngoại ngữ: Tiếng Trình độ:

Văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ được cấp: Ngày cấp: Nơi cấp:

14. Trình độ lý luận chính trị:.....

15. Ngày vào Đoàn TNCS HCM...../...../.....

16. Ngày vào Đảng CSVN...../...../.....; Chính thức:

17. Cơ quan công tác hiện nay (nếu có):.....

18. Chức vụ hiện nay (nếu có):.....

19. Số năm công tác thuộc ngành, lĩnh vực đăng ký dự tuyển:

20. Thành tích nghiên cứu khoa học:

21. Học vị, học hàm, danh hiệu Nhà nước phong tặng:.....năm:.....

22. Khen thưởng:.....

23. Kỷ luật:.....

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Ghi rõ họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của bố mẹ đẻ, con, anh chị em ruột)

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Nơi công tác

III. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng chứng chỉ

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

*Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Họ và tên: Nam/Nữ:
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh¹¹:
Cơ quan công tác (nếu có):
Địa chỉ (dùng để thông báo kết quả tuyển sinh):
Điện thoại: Email:

1. Bằng đại học¹²

Cơ sở cấp bằng:
Năm tốt nghiệp: Ngành:
Hình thức đào tạo:; Xếp loại:

2. Đối tượng diện ưu tiên (nếu có):
(Kèm theo minh chứng đối tượng diện ưu tiên khi nộp hồ sơ dự tuyển)

3. Đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (định hướng nghiên cứu):

Ngành:
Thời gian đào tạo: 18 tháng ☐ 24 tháng ☐

4. Thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có): ☐

5. Học bổ sung kiến thức (nếu có): ☐

6. Văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ: ☐

Cơ sở đào tạo/tổ chức cấp:
Ngày cấp:
Tên văn bằng/chứng chỉ:
Ngôn ngữ:

¹¹ theo tên đơn vị hành chính hiện nay

¹² Đối với bằng đại học hệ chuyên tu, người dự tuyển phải có bằng trung cấp hoặc cao đẳng kèm theo. Trường hợp có nhiều hơn một bằng đại học, người dự tuyển kê khai các bằng đại học theo thứ tự thời gian được cấp bằng từ xa nhất đến gần nhất.

Xếp loại/Trình độ/Thang điểm:.....

Đăng ký tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào do Học viện tổ chức (nếu chưa có văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định): ☐

Tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định đối với người dự tuyển. Nếu trúng tuyển, tôi sẽ chấp hành đầy đủ các quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Ngày tháng năm 2026

Người làm đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN KINH NGHIỆM LÀM VIỆC TRONG LĨNH VỰC
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

(dành cho người dự tuyển có bằng đại học thuộc ngành phù hợp nhóm 2

với ngành đăng ký dự tuyển)

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026

của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Cơ quan xác nhận:

Xác nhận ông/bà:

Sinh ngày: Nơi sinh¹³:

Đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ ngành:

Đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong thời gian:tháng hoặcnămtháng (tính từ ngàythángnămđến ngàythángnăm).

Kính đề nghị Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xét duyệt cho ông/bà dự tuyển trình độ thạc sĩ năm 2026 theo ngành đăng ký.

Trân trọng cảm ơn.

..... ngày..... tháng..... năm 2026

Cơ quan xác nhận

(Ký, đóng dấu)

¹³ Theo tên đơn vị hành chính hiện nay

IV. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ

Tôi xin cam đoan bản khai sơ yếu lý lịch trên đúng sự thật, nếu sai tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngàythángnăm 20.....

**Xác nhận của cơ quan đang công tác
hoặc địa phương nơi đang cư trú**

.....
.....
.....
.....

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

.....

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

*

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI

**Đánh giá năng lực đầu vào tiếng Anh tương đương Bậc 3
theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

Họ tên thí sinh (*chữ in hoa*): Nam/Nữ

Ngành đăng ký dự tuyển:

Ngày sinh (ngày/ tháng/ năm): Dân tộc:

Nơi sinh (ghi tên tỉnh hiện nay):

Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Email: Điện thoại:

Địa chỉ liên hệ:

.....

<p>Ảnh 3x4 cm, Ảnh chụp không quá 6 tháng trước ngày đăng ký dự thi</p>	<p>Ảnh 3x4 cm, Ảnh chụp không quá 6 tháng trước ngày đăng ký dự thi</p>
---	---

....., ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT VỀ TÍNH HỢP LỆ CỦA VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026

của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:.....Nơi sinh:.....

Cơ quan công tác:.....

Điện thoại liên hệ:.....

Ngành đăng ký dự tuyển:

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ đã nộp trong hồ sơ đăng ký dự tuyển, gồm có:

1. (Tên văn bằng, chứng chỉ; cơ sở đào tạo/đơn vị cấp; ngày cấp; số hiệu văn bằng, chứng chỉ)

2. (Tên văn bằng, chứng chỉ; cơ sở đào tạo/đơn vị cấp; ngày cấp; số hiệu văn bằng, chứng chỉ).....

Trường hợp văn bằng, chứng chỉ không đảm bảo tính hợp lệ, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và chấp nhận hình thức xử lý theo quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2026

Người cam kết

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

*

PHIẾU XÁC NHẬN NỘP HỒ SƠ DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

Họ và tên thí sinh (Viết chữ in hoa):.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Cơ quan công tác (nếu có):.....

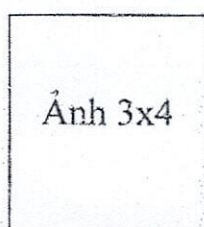
Số điện thoại:..... Email:.....

Ngành đăng kí dự tuyển:.....

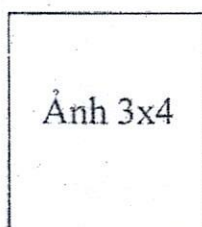
01 túi hồ sơ dự tuyển, gồm có:

TT	Danh mục	Số lượng	Xác nhận
1	Đơn đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ	01 bản chính và 06 bản sao	
2	Công văn cử đi dự tuyển trình độ thạc sĩ của cơ quan có thẩm quyền (nếu người dự tuyển đang công tác)	01 bản chính	
3	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (nếu người dự tuyển đang công tác) hoặc của chính quyền địa phương (nếu người dự tuyển là thí sinh tự do)	01 bản chính và 06 bản sao	
4	Bằng đại học, bằng điểm đại học (kèm bản dịch nếu có); văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (kèm bản dịch nếu có); bằng trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có); văn bản công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có)	Mỗi loại 01 bản sao chứng thực và 06 bản sao	
5	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe học tập của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển	01 bản chính	
6	Một trong các giấy tờ: Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng lao động, Quyết định bổ nhiệm, Quyết định nâng lương gần nhất (nếu người dự tuyển đang công tác)	01 bản sao chứng thực và 06 bản sao	
7	Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có)	Mỗi loại 01 bản sao chứng thực và 06 bản sao	
8	Giấy xác nhận kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến ngành dự tuyển từ đủ 12 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển	01 bản chính và 06 bản sao	

	(nếu người dự tuyển có bằng đại học thuộc ngành phù hợp nhóm 2 với ngành đăng ký dự tuyển)		
9	Phiếu đăng ký dự thi đánh giá năng lực đầu vào tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu có)	01 bản chính	
10	Ảnh 3x4 chụp trong thời gian 06 tháng	02 ảnh	
11	Bản cam kết về tính hợp lệ của văn bằng, chứng chỉ	01 bản chính và 06 bản sao	
12	Phiếu xác nhận nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ	01 bản chính	
Ghi chú:.....			
.....			



Ảnh 3x4



Ảnh 3x4

Người nộp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)